

Số: /KH-UBND

Măng Đen, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Kế hoạch số 370-KH/TU ngày 29/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Kế hoạch số 370-KH/TU ngày 29/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Ủy ban nhân dân xã Măng Đen xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện **Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:**

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức triển khai và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ.

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 140/NQ-CP và Kế hoạch số 370-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hiện thực hóa mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển.

II. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Bảo đảm sự chỉ đạo toàn diện của chính quyền địa phương trong công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật

a) Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 370-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với từng nhóm đối tượng, người dân và doanh nghiệp.

b) Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

c) Mỗi cán bộ, đảng viên phải triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 370-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó phải gương mẫu, đi đầu trong chấp hành và tuân thủ pháp luật, lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

d) Các cơ quan, đơn vị thuộc xã: Xây dựng, ban hành và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hoạt động của cơ quan, đơn vị mình về xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật.

2. Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển

a) Chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được.

b) Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn.

c) Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng nguyên tắc, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả.

d) Chủ động đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, nhất là các chính sách có tác động lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động của chính sách; không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế chính sách và xây dựng pháp luật.

đ) Rà soát cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, điều kiện hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý và các biểu hiện của cơ chế “xin - cho”, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

3. Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật

a) Quán triệt tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm phát huy cao độ tinh thần phục vụ Nhân dân, tư duy kiến tạo để phát triển, hành động vì lợi ích chung của xã hội.

b) Quán triệt thực hiện nhất quán quan điểm người dân và doanh nghiệp được làm những gì luật không cấm; tập trung tuyên truyền, phổ biến đến người dân những việc không được làm theo từng nhóm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

c) Thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

d) Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành; kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm công tác tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường các hoạt động điều tra, khảo sát.

đ) Tăng cường công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật đi đôi với việc tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lạm quyền, thiếu trách nhiệm; đồng thời, góp phần khắc phục bệnh đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

4. Xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật

a) Thực hiện kịp thời, đầy đủ cơ chế, chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chính sách, xây dựng pháp luật tại một số cơ quan, đơn vị.

b) Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công;

c) Củng cố, nâng cao năng lực tổ chức pháp chế, đội ngũ người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, doanh nghiệp; bảo đảm vị trí việc làm, chế độ, xếp ngạch cho người làm công tác pháp chế theo quy định.

d) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 27/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật

a) Ưu tiên nguồn lực xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu lớn, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”, liên thông, dễ khai thác, dễ sử dụng, an toàn thông tin và bí mật nhà nước.

b) Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số đồng bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm; lồng ghép nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật vào phong trào “học tập số”.

6. Thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật

a) Thực hiện cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật trên nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ, hoạt động xây dựng pháp luật được quyền chủ động và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí được giao.

b) Bố trí nguồn ngân sách phù hợp, tương xứng cho công tác tổ chức thi hành pháp luật. Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho các đối tượng đặc thù, yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 370-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình hành động của UBND tỉnh và nội dung Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình, Kế hoạch đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để điều chỉnh, đồng bộ, đảm bảo thống nhất với Kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được nêu trong Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã.

4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh và Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân xã, tổng hợp, tham mưu báo cáo theo quy định.

5. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hàng năm theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 197/2025/QH15.

6. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh (qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã) để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh (thay b/c);
- TT Đảng ủy xã (thay b/c);
- TT HĐND xã (thay b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (đ/b);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các Tổ chức chính trị - xã hội xã (p/h);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã (t/h);
- Trang thông tin điện tử xã (đ/tin);
- Lưu: VT-LT, VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Nhật Trường